

Bản án số: 151/2025/DS-ST

Ngày: 08-9-2025

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trương;

2. Ông Võ Thành Dương;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà La Thị H, sinh năm 1950;

Địa chỉ: ấp H, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2/ Bị đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp M, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Công P, sinh năm 1949;

Địa chỉ: ấp H, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà La Thị H trình bày:*

Bà và bà Võ Thị Đ là chỗ quen biết nên bà có cho bà Đ vay tiền làm nhiều lần, đến ngày 27/7/2015 chốt lại số tiền bà Đ còn nợ bà là 160.000.000 đồng, bà Đ

hứa sẽ trả dần hàng tháng, tính đến nay bà Đ đã trả tổng cộng là 53.500.000 đồng (có biên nhận), còn nợ lại số tiền là 106.500.000 đồng (trong đó có 15.000.000 đồng con của bà Đ là chị M (không biết họ tên) mượn riêng. Nay bà xin rút lại yêu cầu bà Đ trả 15.000.000 đồng này. Chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền là 91.500.000 đồng. Bà nhiều lần liên hệ bà Đ yêu cầu tiếp tục trả nợ, nhưng bà Đ trốn tránh không thực hiện. Do đó, bà làm đơn này gửi đến Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, xét xử buộc bà Võ Thị Đ phải trả cho bà 91.500.000 đồng, một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu tính lãi.

Đối với ông Phạm Văn T ký tên trong biên nhận là chồng của bà Đ, hiện ông T đã chết, bà không khởi kiện ông T, vì chữ ký “T” trong biên nhận là do bà Đ ký tên dùm ông T, ông T không có mượn tiền của bà.

** Bà Võ Thị Đ là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ, không có ý kiến trình bày.*

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Lê Công P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông là chồng của bà H, khi cho bà Đ vay tiền thì ông có ký tên nhưng nay ông để vợ ông là bà H khởi kiện, ông thống nhất yêu cầu của bà H, ông không có thắc mắc hay khiếu nại gì.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại tòa án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào các Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P có mặt. Bị đơn bà Đ vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Đ.

[4]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 91.500.000 đồng (trong đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền 106.500.000 đồng). Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn có cung cấp các giấy mượn tiền. Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Xét thấy tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 106.500.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền là 91.500.000 đồng, xét thấy việc thay đổi yêu cầu của bà H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, thể hiện qua các giấy mượn tiền mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong giấy biên nhận thể hiện ngày 27/7/2015 (âm lịch) nhằm ngày 09/9/2015 dương lịch Võ Thị Đ, Phạm Văn T có mượn chị Tư P1, vợ hai H tổng cộng 160.000.000 đồng, cam kết trả mỗi tháng 10.000.000 đồng không tính lãi, kể từ tháng 8 trả đến hết tháng 12 năm 2020. Quá trình thực hiện nguyên đơn đưa ra các ghi chép các lần bị đơn trả nợ tổng cộng số tiền là 53.500.000 đồng, còn nợ lại 106.500.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán số tiền 91.500.000 đồng. Như vậy có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn là bà La Thị H số tiền gốc là 91.500.000 đồng. Đối với chữ ký “T” trong biên nhận, nguyên đơn xác định là do bà Đ tự ký thay, ông T không có vay tiền của bà, hiện tại ông T đã chết, nguyên đơn không có yêu cầu gì với ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ của ông T trong vụ án này.

Bị đơn là bà Võ Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm nhưng bà vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy bà Đ đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy số tiền trên bà Đ nợ đã lâu, khi vay có thỏa thuận thời gian trả vốn nhưng bà Đ đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà Đ trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn cố tình vắng mặt gây thiệt hại quyền lợi cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị H.

Buộc bà Võ Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà La Thị H số tiền tổng cộng là 91.500.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Đ phải chịu 4.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh DT;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thảo